

SỞ GD & ĐT TP. ĐÔNG NAI

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LỚP 10A1 - NĂM HỌC 2026 - 2027 (lớp Chọn tổ hợp 1)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	TổngKS		
1	Đặng Ngọc Quỳnh	Anh	13-09-2011	24.50	7.75	7.5	9.00	24.25	48.75	10A1
2	Phùng Bùi Mai	Anh	13-04-2011	23.00	6.5	7	5.75	19.25	42.25	10A1
3	Lê Minh	Anh	23-07-2011	24.00	8.25	3	5.25	16.5	40.50	10A1
4	Phạm Huy Hoàng	Anh	26-03-2011	21.25	6.25	5	5.50	16.75	38.00	10A1
5	Trần Ngọc	Ánh	06-03-2011	24.00	5.75	4.75	4.75	15.25	39.25	10A1
6	Lê Hoàng Gia	Bảo	15-09-2011	24.50	9.75	5.75	7.50	23	47.50	10A1
7	Nguyễn Linh	Chi	08-07-2011	24.75	3.75	5	6	14.75	39.50	10A1
8	Trịnh Công	Định	28-01-2011	25.50	10	4	7.25	21.25	46.75	10A1
9	Lương Trần Quốc	Dự	04-07-2011	24.00	7	5.5	8.75	21.25	45.25	10A1
10	Lương Anh	Duy	31-08-2011	24.25	7	4.5	7.50	19	43.25	10A1
11	Dương Bảo	Hân	17-07-2011	24.75	6.25	7.75	6.00	20	44.75	10A1
12	Đào Gia	Hân	28-11-2011	21.50	6.75	5.25	5.75	17.75	39.25	10A1
13	Nguyễn Hoàng Việt	Hạnh	31-08-2011	22.00	8	4	7.25	19.25	41.25	10A1
14	Nguyễn Huỳnh Huy	Hoàng	18-09-2011	23.75	8.5	4.75	7.25	20.5	44.25	10A1
15	Lê Minh	Huy	25-02-2011	22.25	5.75	4.5	6.00	16.25	38.50	10A1
16	Nguyễn Khánh	Huyền	22-12-2011	23.75	6.75	6.5	7.00	20.25	44.00	10A1
17	Lê Nam	Khánh	12-11-2011	23.75	5.75	4	5.75	15.5	39.25	10A1
18	Vũ Đăng	Khoa	08-04-2011	20.25	5.75	4.5	7.75	18	38.25	10A1
19	Bùi Huỳnh Hồng	Lam	05-12-2011	21.00	4.5	6	8.50	19	40.00	10A1
20	Trần Phương	Linh	15-06-2011	23.00	9	5	6.75	20.75	43.75	10A1
21	Lê Đức	Mạnh	19-04-2011	26.75	10	8	7.75	25.75	52.50	10A1
22	Mai Hoàng	Minh	02-10-2011	25.25	7.5	3	6.50	17	42.25	10A1
23	Vũ Hà Khánh	Ngân	21-10-2011	24.00	7.25	3	4.5	14.75	38.75	10A1
24	Nguyễn Trí	Nghiêm	05-11-2011	21.00	8	3	6.75	17.75	38.75	10A1
25	Quách Phạm Bảo	Nguyên	18-07-2011	23.25	7.5	4.5	6.5	18.5	41.75	10A1
26	Nguyễn Thành Bảo	Nguyên	24-12-2011	24.75	3.5	4	7	14.5	39.25	10A1
27	Hoàng Trung	Nguyên	31-07-2011	23.00	5.25	2	7.75	15	38.00	10A1
28	Vũ Ngọc	Nhất	14-02-2011	21.75	9	3	6.75	18.75	40.50	10A1

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm TS 10	Điểm khảo sát				Điểm Xếp Lớp	Lớp
					M1	M2	M3	TổngKS		
29	Hoàng Nguyễn Thành	Phát	02-12-2011	24.75	6.25	4	7.25	17.5	42.25	10A1
30	Huỳnh	Phát	10-02-2011	23.25	6.25	4	5.5	15.75	39.00	10A1
31	Nguyễn Trọng	Phát	23-10-2011	22.00	5.25	4	6	15.25	37.25	10A1
32	Nguyễn Hoàng	Phúc	08-08-2011	21.75	8	4	8.25	20.25	42.00	10A1
33	Trần Thiết	Quân	12-12-2011	23.75	10	2.5	2.75	15.25	39.00	10A1
34	Võ Quý	Quốc	02-09-2011	25.00	9.5	5.5	6.25	21.25	46.25	10A1
35	Hoàng Thục	Quyên	03-02-2011	22.75	5.75	3	6.25	15	37.75	10A1
36	Trần Đức	Tài	17-04-2011	21.00	7.5	4	6.5	18	39.00	10A1
37	Nguyễn Nhật	Tâm	21-11-2011	24.75	10	9.5	8.75	28.25	53.00	10A1
38	Lê Thành	Tâm	10-04-2011	24.50	8	3.5	7	18.5	43.00	10A1
39	Võ Minh	Thùy	20-12-2011	22.50	6.5	7	5	18.5	41.00	10A1
40	Lê Đức	Toàn	07-11-2011	24.50	7	5	8.25	20.25	44.75	10A1
41	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	06-11-2011	24.50	6.5	3	5.5	15	39.50	10A1
42	Nguyễn Trần Thùy	Trang	21-07-2011	21.75	4.5	7	6	17.5	39.25	10A1
43	Vũ Hải	Triều	04-07-2011	24.50	5.75	1	8.25	15	39.50	10A1
44	Hoàng Nguyễn San	Trúc	24-06-2011	24.50	9	6	4.75	19.75	44.25	10A1
45	Nhữ Thành	Tuân	23-11-2011	20.25	6	7.5	7.5	21	41.25	10A1
46	Nguyễn Ngọc Như	Ý	13-06-2011	24.50	8	6	5	19	43.50	10A1
47	Cao Thái	Bình	HÒA NHẬP							10A1
48	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Ân	HÒA NHẬP							10A1